

Số: 53 /2017/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 12 năm 2017

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI

ĐẾN Số :.....6609.....
Ngày : 21.12.17..
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Xét Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 theo Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh được giao quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước

thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

1. Mức hỗ trợ dự án bằng 80%/dự án nhưng tối đa không quá 450 triệu đồng/dự án.

2. Chi xây dựng và quản lý dự án

a) Chi xây dựng và quản lý dự án bằng 7% mức hỗ trợ từ ngân sách cho dự án quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án;

b) Chi các nội dung khác về quản lý dự án bằng 20% mức chi tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn của dự án

a) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp: Hỗ trợ hộ nghèo là 15 triệu đồng/hộ/năm, hộ cận nghèo là 12 triệu đồng/hộ/năm, hộ mới thoát nghèo (không quá 36 tháng kể từ ngày được công nhận thoát nghèo) là 9 triệu đồng/hộ/năm khi tham gia thực hiện các dự án quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC. Mức hỗ trợ này thuộc phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách cho dự án quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Mức hỗ trợ bằng 80% giá trị hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá mức hỗ trợ cho dự án quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Loại mô hình, quy mô mô hình, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình và các nội dung chi thực hiện mô hình, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi thực hiện.

Điều 4. Hỗ trợ phương tiện nghe – xem

1. Loại phương tiện: Hỗ trợ 01 ti vi và 01 đầu thu/01 hộ nghèo (bao gồm công vận chuyển, lắp đặt hoàn thành).

2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần, bằng hiện vật cho đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

3. Mức hỗ trợ: Tối đa 6.000.000 đồng/hộ.

Điều 5. Chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã

Mức chi hỗ trợ bằng 3% tổng kinh phí sự nghiệp của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giao cho cấp xã quản lý.

Điều 6. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

Nội dung, mức hỗ trợ thực hiện theo Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này và theo quy định tại Điều 8, Điều 9, khoản 1 và khoản 2 Điều 10, Điều 11 Thông tư số 15/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2017 và áp dụng từ năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: NN và PTNT, Tài chính, KH-ĐT, LĐ-TB và XH, Ủy Ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- VP: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, BKTNS (01).đta180.



Bùi Thị Quỳnh Vân